|  |  |
| --- | --- |
|  | ® |
| ***Integrating Values*** | |

|  |
| --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**  **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  **Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013** |

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Trang |
| Báo cáo của Ban Giám đốc |  | 2-3 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét |  | 4 |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ |  | 5-6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ |  | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ |  | 8 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ |  | 9-21 |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Mangan. Trước khi được cổ phần hóa Xí nghiệp Mangan là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp là 3000376142 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2013.

Công ty có trụ sở tại: xóm 15 xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

**Ngành, nghề kinh doanh**

* Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan;
* Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép;
* Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

***Hội đồng quản trị***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ông Võ Văn Lưu | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Bùi Văn Minh | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Nguyễn Anh Thắng | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Đinh Quang Tuấn | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Nguyễn Trọng Tuyên | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Hoàng Đại Lợi | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Ông Phạm Viết Hào | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/5/2013 |  |
| Bà Võ Thị Hoa | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/5/2013 |  |

***Ban Giám đốc***

|  |  |
| --- | --- |
| Ông Hoàng Đại Lợi | Giám đốc |
| Ông Phan Xuân Luật | Phó Giám đốc |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến 21 kèm theo báo cáo này.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc |  |  |
| Hoàng Đại Lợi **Giám đốc**  *Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 07 năm 2013* |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Số: /2013/VIA – BCKT |  |

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan

***Kính gửi*:** HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

## Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 (Báo cáo tài chính giữa niên độ) của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan (“Công ty”) từ trang 05 đến trang 21 kèm theo báo cáo này gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

## Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính này một cách trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Chế độ Kế toán Việt nam và các Quy định hiện hành tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

## Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguyễn Tài Dũng**  **Phó Tổng Giám đốc**  *Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ. 0133/KTV*  Thay mặt và đại diện cho  **Công ty Kiểm toán Quốc gia VIA**  *Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2013* |  | **Nguyễn Trung Khánh**  **Kiểm toán viên**  *Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1128/KTV* |









1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Mangan, trước khi được cổ phần hóa Xí nghiệp Mangan là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp là 3000376142 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2013.

Công ty có trụ sở tại: xóm 15 xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

1. **Ngành, nghề kinh doanh**

* Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan;
* Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép;
* Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

1. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tăng cường công tác lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản”, trong đó có chủ trương: không xuất khẩu quặng mangan và tinh quặng mangan, từ tháng 01/2012, Công ty chỉ tiêu thụ các sản phẩm của mình ở thị trường trong nước. Do thị trường thị thu hẹp, doanh thu năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013 đã giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2011 và dẫn đến tồn kho lớn.

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết xuất khẩu một số loại khoáng sản tồn kho, trong đó có quặng Mangan, theo ý kiến của Bộ Công thương tại Công văn số 5098/BCT-CNNg ngày 12/06/2013, Bộ Công thương đã đồng ý để Công ty CP Khoáng sản Mangan được xuất khẩu 42.571 tấn Mangan với hàm lượng mangan từ 18% đến 28%.

1. **NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
2. ***Niên độ kế toán***

* Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
* Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu tư 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06 hàng năm.

1. ***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

1. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. ***Chế độ kế toán áp dụng:***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

1. ***Hình thức kế toán áp dụng***

Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung

1. ***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam***

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã tuân thủ hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành có hiện lực tại ngày 30/06/2013.

1. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
2. **Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

***Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:*** Được xác định trên cơ sở các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày lập Báo cáo tài chính này;

***Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*** Các giao dịch bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày diễn ra giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại ngày cuối niên độ kế toán được quy đổi sang đồng VND theo tỷ giá hối đoái liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố cùng ngày.

1. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

***Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho:*** Bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*** Phương pháp kê khai thường xuyên.

***Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***  Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

1. **Phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

Phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc và chênh lệch giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Giá trị có thể thu hồi được là giá trị có thể thu được ước tính, trừ đi các chi phí ước tính phát sinh nhằm thu hồi các khoản nợ đó.

Chênh lệch giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được của tất cả các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo được phản ánh tại mục “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”.

1. **Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

1. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ khoản chi phí đi vay liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện được vốn hoá theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

1. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chư­a phát sinh nh­ưng đ­ược tính trư­ớc vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cho các đối t­ượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ đư­ợc thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**Nguyên tắc ghi nhận**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự việc đã xảy ra;

Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;

Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**Các khoản dự phòng phải trả thường bao gồm:**

Dự phòng phải trả tái cơ cấu công ty;

Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm;

Dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt qua những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng;

Dự phòng phải trả khác.

1. **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh đư­ợc hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần, đã mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội cổ đông hoặc quy định trong điều lệ. Thặng dư­ vốn cổ phần đư­ợc ghi nhận khi bán cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được hội đồng cổ đông thông qua sẽ được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản đư­ợc ghi nhận khi đánh giá lại tài sản hiện có chủ yếu là tài sản cố định và bất động sản đầu t­ư. Chênh lệch đánh giá lại tài sản chỉ đư­ợc thực hiện khi: có quyết định của Nhà nư­ớc về đánh giá lại tài sản hoặc các tr­ường hợp khác theo quy.

1. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.**

* ***Ghi nhận doanh thu bán hàng:*** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
* Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
* Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
* Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
  + ***Doanh thu hoạt động tài chính:*** Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:
* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1. **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí tài chính đư­ợc ghi nhận bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu t­ư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển như­ợng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư­ chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

1. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời đó.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, các quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

1. **Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

1. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

1. **Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Công ty tập trung tại khu vực huyện Can Lộc trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và thế giới. Vì vậy việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

1. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

****

****

****

****













****

****

* + 1. **THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

****

****

****

****

****

* + 1. **THÔNG TIN KHÁC**

1. **Công cụ tài chính**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính kỳ này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.



Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản phải thu, các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua bán ngoại tệ hợp lý, phù hợp với kế hoạch sản xuất để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đưa ra quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được lãi suất có lợi cũng như duy trì cơ cấu vay phù hợp.

Tại ngày 30/06/2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận trước thuế đối với thay đổi thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của lãi suất của các khoản vay và nợ có lãi suất thả nổi, như sau:

** *Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp.Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

****

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức độ trung bình và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1. **Giao dịch với các bên liên quan**

****

1. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu là số liệu của báo cáo tương ứng trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

